TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 21 - 4 - 2025
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được;

2. Ông Nguyễn Văn Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng L – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST-DS ngày 20/01/2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 13/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-DS ngày 31/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Số B N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T – chức vụ: Tổng giám đốc.

(*Theo Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của* Ngân hàng thương mại cổ phần S).

Ông Lê Ngọc T uỷ quyền cho bà Nguyễn Vũ Khánh C – chức vụ: Phó tổng giám đốc.

(Theo Giấy uỷ quyền số 775/2023/GUQ-TGĐ ngày 13/9/2023 của Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S*)*.

Ông Lê Ngọc T uỷ quyền cho ông Trần Đức T1 – chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

(*Theo giấy uỷ quyền số 5900/2024/UQ-TGĐ ngày 20/8/2024 của Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản* ngân hàng S).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06-12-2024, bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S *là ông* Trần Đức T1 *trình bày:*

Ngày 10/07/2017ông Nguyễn Trọng N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000ồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là ẠN 2.6tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 84.255.317ồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). ÔngNhân phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 86.612.340ồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày ỄN_NQH" 01/07/2022n hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.791.869 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 21/4/2025ông N còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm): Nợ gốc: 17.791.869ồng; Lãi quá hạn:

23.730.354 đồng. Tổng cộng: 41.522.223đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 17.791.869ồng với lãi suất quá hạn là ẠN 3.9tháng (ẠN 2.6150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Nay ngân hàng yêu cầu ông N thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ vay nêu trên, đồng thời ông N còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 14/3/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), đã ký kết với Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa: Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Trọng N, phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 21/04/2025 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc là 17.791.869 đồng; lãi quá hạn là 23.730.354 đồng. Tổng cộng số tiền là 41.522.223đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng). Ông Nguyễn Trọng N còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 22/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N*:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Đất đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Trọng N biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Trọng N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Trọng N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả số tiền tạm tính đến ngày 21/4/2025 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc là 17.791.869 đồng; lãi quá hạn là 23.730.354 đồng. Tổng cộng số tiền là 41.522.223đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng) là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn Trọng N về hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn đang cư trú tại huyện L, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Theo biên bản xác minh tại Công an xã L, huyện L, bị đơn ông Nguyễn Trọng N có hộ khẩu thường trú tại: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Toà án tống đạt các văn bản nhiều lần nhưng ông Nguyễn Trọng N đều vắng mặt tại địa chỉ nêu trên.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: "Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung". Vì vậy, đối với trường hợp này, được xem là như ông Nguyễn Trọng N cố tình dấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng N theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 10/07/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Trọng N, tạm tính đến ngày 21/4/2025 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc là 17.791.869 đồng; lãi quá hạn là 23.730.354 đồng. Tổng cộng số tiền là 41.522.223đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng).

Qua đó xác định, ông Nguyễn Trọng N đã ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 10/07/2017, với Ngân hàng thương mại cổ phần S qua hợp đồng nêu trên.

Tổng số tiền tính đến ngày 21/4/2025, ông Nguyễn Trọng N còn nợ Ngân hàng: Nợ gốc là 17.791.869 đồng; lãi quá hạn là 23.730.354 đồng. Tổng cộng số tiền là 41.522.223đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Trọng N trả số tiền còn nợ như trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi suất phát sinh: Xét Điều 22 và 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng các bên có thỏa thuận về lãi suất "…Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên thẻ. Lãi được tính như sau:…"; do đó cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL buộc ông Nguyễn Trọng N còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của khoản tiền gốc chưa thanh toán và mức lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2.3] Về án phí: Căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, điều 227, điều 228, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2026 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông **Nguyễn Trọng N**.

1. Buộc ông **Nguyễn Trọng N** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** toàn bộ số vốn vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 10/07/2017 và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/4/2025 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc là 17.791.869 đồng; lãi quá hạn là 23.730.354 đồng. Tổng cộng số tiền là 41.522.223đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng).

2. Ông **Nguyễn Trọng N** còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 22/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 10/07/2017 đã ký kết với **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

"*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thành toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*".

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trọng N phải nộp 2.076.000 đ (Hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 892.343đ (T2 trăm chín mươi hai ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền số 0002034 ngày 20/01/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/4/2025), đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;*
- *VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;*
- *VKSND huyện Long Đất;*
- *CCTHADS huyện Long Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Công Hiếu